TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1032/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Lê Văn Rồi

2- Bà Mai Thị Tám

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 429/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Kim D, sinh năm 1984; Đăng ký thường trú: Số 132, đường V, tổ 02, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số 120, đường H, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1972; Đăng ký thường trú: Số 132, đường V, tổ 02, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số 132, đường V, tổ 02, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 16/4/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Kim D trình bày: Bà với ông H tìm hiểu quen nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01, ngày 31/3/2010. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng bà tạm ổn định và hạnh phúc, bà lần lượt sinh 02 cong chung. Tuy nhiên, sau đó cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, ông H không có trách nhiệm chăm lo gia đình, kinh tế gia đình chỉ phụ thuộc vào một mình bà; ông H thường xuyên uống rượu về chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà nên, cả hai mâu thuẫn trầm trọng và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Đỉnh điểm mâu thuẫn bà và

ông H đã ly thân gần 01 năm nay và bà đã thuê nhà sống riêng, cả hai không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao Kỳ V, sinh ngày 02/11/2005 (đã trưởng thành) và Nguyễn Cao Kỳ P, sinh ngày 05/12/2008. Hiện Kỳ P đang sống cùng với ông H. Bà đồng ý giao Kỳ P cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng và bà sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 02 Bản sao khai sinh con chung; 02 bản sao căn cước công dân của nguyên đơn, bị đơn, Sổ hộ khẩu sao y.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án tống đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà ông H vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Kim D với ông Nguyễn Minh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01, ngày 31/3/2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà D xin ly hôn với ông Hùng là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà D thì mâu thuẫn giữa bà với ông H là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, ông H không có trách nhiệm chăm lo gia đình, kinh tế gia đình chỉ phụ thuộc vào một

mình bà; mặc khác ông H thường xuyên uống rượu về chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà nên cả hai mâu thuẩn trầm trọng và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Đỉnh điểm mâu thuẩn bà và ông H đã ly thân gần 01 năm nay và bà đã thuê nhà sống riêng, cả hai không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Ông H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là có căn cứ; theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà D với ông H không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao Kỳ V, sinh ngày 02/11/2005 (đã trưởng thành) và Nguyễn Cao Kỳ P, sinh ngày 05/12/2008. Quá trình giải quyết vụ án; trẻ Kỳ P có nguyện vọng tiếp tục sống với ba và để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp Kỳ P; xét thấy cần giao Kỳ P cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ P mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 09/2024 cho đến khi trẻ P tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[2.4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa không xem xét.

Xét cần buộc bà D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Cao Kim D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Kim D được ly hôn với ông Nguyễn Minh H. Giấy chứng nhận kết hôn số số 71, quyển số 01, ngày 31/3/2010 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà D, ông H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao Kỳ V, sinh ngày 02/11/2005 (đã trưởng thành) và Nguyễn Cao Kỳ P, sinh ngày 05/12/2008. Ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Kỳ P. Bà Diệu có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Kỳ P mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 09/2024 cho đến khi trẻ Kỳ P tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chưa thi hành cấp dưỡng số tiền trên, thì hàng tháng bà D còn phải trả cho ông H số tiền lãi do chậm thực hiện hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Cao Kim D phải nộp; án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Cao Kim D phải nộp; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015196 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bà D phải có nghĩa vụ tiếp tục nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan